

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L.T
TỈNH VĨNH PHÚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:75/2022/HS-ST
Ngày 28-09-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L.T, TỈNH VĨNH PHÚC

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Văn Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trung Thành

Bà Trần Thị Kim Khuyên

- **Thư ký phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Trang - Thư ký Toà án nhân dân huyện L.T, tỉnh Vĩnh Phúc

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L.T, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên toà:** Ông Ngô Trường Út - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 09 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L.T, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 66/2022/TLST-HS ngày 06 tháng 9 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2022/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 9 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Xuân Q, sinh ngày 23/8/1993 tại tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Thôn S.G, xã T.D, huyện L.T, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): Lớp 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C (đã chết) và bà Trịnh Thị M; có vợ là Nguyễn Thị H và 01 con (sinh năm 2017); tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, hiện tại ngoại (có mặt);

2. Dương Hồng Q, sinh ngày 18/7/1999 tại tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Thôn T.S, xã N.T, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): Lớp 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Minh C và bà Trần Thị L; vợ, con chưa có; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, hiện tại ngoại (có mặt).

- **Bị hại:** Ủy ban nhân dân huyện L.T, tỉnh Vĩnh Phúc

Người đại diện theo pháp luật của bị hại: Ông Phan Tuệ M – Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L.T.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phan Tuệ M: Bà Hà Thị Kim D – Chức vụ: Phó Chánh văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện L.T (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Ông Kiều Văn C; sinh năm 1959; nơi cư trú: Tổ dân phố P.C, thị trấn L.T, huyện L.T, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt);

2. Anh Nguyễn Đức T; sinh năm 1987; nơi cư trú: Thôn P.N, xã K.X, huyện V.T, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 27/4/2022, Nguyễn Xuân Q đang làm tại xưởng cơ khí Thịnh Phát ở tổ dân phố L.C, thị trấn L.T, huyện L.T đối diện với trụ sở cũ của Trạm Khuyến nông huyện L.T (hiện đã bàn giao cho Ủy ban nhân dân huyện L.T quản lý). Do biết trụ sở này không có người trông giữ nên Q nảy sinh ý định trộm cắp các tấm tôn ở trên mái nhà của trụ sở này, Q đi bộ sang trụ sở cũ này thì gặp Dương Hồng Q đang chơi ở đó, Q rủ Qu trộm cắp các tấm tôn trên rồi Q trả tiền cho Qu, đồng thời Q cung cấp máy bắn vít, xe lôi để chở các tấm tôn, Qu đồng ý và lấy số điện thoại của nhau để liên lạc.

Sáng ngày 28/4/2022, Q gọi điện thoại cho Qu báo vào trụ sở cũ nêu trên để trộm cắp các tấm tôn, Qu một mình đi xe máy (không rõ biển kiểm soát) đến gặp Q ở cổng Nghĩa trang liệt sỹ thị trấn L.T, huyện L.T. Tại đây, Q đưa cho Qu 01 máy bắn vít cầm tay và nói khi nào Qu trộm cắp được các tấm tôn thì gọi cho Q, Qu cầm máy bắn vít vào trụ sở cũ trên để trộm cắp các tấm tôn. Qu trèo lên các cây trồng gần nhà làm việc (nhà cấp 4) lên mái nhà và dùng máy bắn vít tháo trộm 22 (hai mươi hai) tấm tôn bằng kim loại màu đỏ, đã cũ đều có kích thước: 3,65m x 1,08m x 0,3 mm và thả xuống đất. Sau đó, Qu gọi điện cho Q thì Q nói để xe lôi ở cổng Nghĩa trang liệt sỹ thị trấn L.T cách đó khoảng 200 mét, Qu đi bộ ra kéo xe lôi đến vị trí các tấm tôn vừa trộm cắp được và nhờ một phụ nữ lạ mặt đang nhặt phế liệu ở gần đó khênh hộ các tấm tôn lên xe lôi rồi dùng tay kéo số tôn trộm cắp được đến cổng Nghĩa trang liệt sỹ thị trấn L.T cho Q, Q đưa cho Qu số tiền 2.700.000 đồng, Qu trả máy bắn vít cho Q rồi lấy xe máy đi về nhà. Sau đó, Q dùng xe mô tô BKS: 88B1 - 21155 kéo theo xe lôi chở số tôn trộm cắp được về nhà. Khoảng 17 giờ cùng ngày, Q gọi điện thoại cho Qu tiếp tục rủ vào lấy trộm các tấm tôn, Qu đồng ý và một mình đi xe máy vào cổng trụ sở cũ trên, gặp nhau Q đưa máy bắn vít cho Qu và nói lấy được tôn thì gọi điện thoại cho Q, Qu đi vào trong trụ sở cũ này và trèo theo thân cây lên mái của lán để xe, dùng máy bắn vít tháo trộm được 09 tấm tôn bằng kim loại màu đỏ đã cũ, đều có kích thước: 06m x 1,08m x 0,3 mm, thả xuống đất rồi trèo xuống và tiếp tục đi sang nhà cấp 4 bên

cạnh rồi trèo theo thân cây trồng sát nhà lên mái, dùng máy bắn vít tháo trộm 05 tấm tôn bằng kim loại màu đỏ đã cũ, đều có kích thước: 3,8m x 1,08m x 0,3mm và 10 tấm tôn bằng kim loại màu đỏ đã cũ, đều có kích thước: 4,26m x 1,08m x 0,3 mm rồi thả xuống đất. Sau khi trộm cắp được các tấm tôn trên, Qu gọi điện thoại cho Q thì Q dùng xe máy kéo xe lôi vào và cùng Qu khênh các tấm tôn trộm cắp được lên xe lôi rồi kéo ra cổng trụ sở cũ trên thì Q đưa cho Qu 2.500.000 đồng, Qu trả máy bắn vít cho Q rồi lấy xe máy đi về nhà, Q dùng xe mô tô BKS: 88B1 - 21155 kéo xe lôi chở số tôn trộm cắp được về nhà. Đến ngày 02/5/2022 bà Hà Thị Kim D – Phó Chánh văn phòng UBND huyện L.T (đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND huyện L.T) làm đơn trình báo cơ quan Công an. Cùng ngày Q giao nộp toàn bộ số tôn trộm cắp được và các vật chứng liên quan cho Cơ quan điều tra.

Ngày 09/5/2022, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện L.T có văn bản số 24/KL-HĐĐG kết luận:

“+ 22 tấm tôn màu đỏ kích thước 3,65m x 1,08m x 0,3mm. Được định giá 12.000 đồng/1m². Tổng 86.7m² = 1.040.000 đồng.

+ 09 tấm tôn màu đỏ kích thước 06m x 1,08m x 0,3mm. Được định giá 12.000 đồng/1m². Tổng 58.32 m² = 700.000 đồng (đã làm tròn).

+ 10 tấm tôn màu đỏ kích thước 4,26m x 1,08m x 0,3mm. Được định giá 12.000 đồng/1m². Tổng 46m² = 552.000 đồng.

+ 05 tấm tôn màu đỏ kích thước 3,8m x 1,08m x 0,3mm. Được định giá 12.000 đồng /1m². Tổng 20,5m² = 246.000 đồng”.

Đối với người phụ nữ lạ mặt là người Qu nhờ khênh các tấm tôn sáng ngày 28/4/2022 lên xe lôi, quá trình điều tra xác định bản thân Qu không nói nên người phụ nữ này không biết số tôn đó là tài sản Qu trộm cắp, Qu không biết tên, tuổi, địa chỉ cụ thể của người này nên Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau.

*** Về vật chứng của vụ án:**

Cơ quan điều tra đã thu giữ 46 tấm tôn (trong đó: 09 tấm tôn màu đỏ kích thước 06m x 1,08m x 0,3mm; 22 tấm tôn màu đỏ kích thước 3,65m x 1,08m x 0,3mm; 10 tấm tôn màu đỏ kích thước 4,26m x 1,08m x 0,3mm; 05 tấm tôn màu đỏ kích thước 3,8m x 1,08m x 0,3mm);

Thu giữ của bị cáo Q: 01 điện thoại di động đã qua sử dụng, màu đen, mặt sau của điện thoại có chữ OPPO màu trắng, số IMEI: 869183037304593 và 869183037304585, bên trong lắp sim số 0359.223.113 và 0842.220.700; 01 chiếc máy bắn vít cầm tay nhãn hiệu Makita; 01 chiếc xe lôi; 01 chiếc quần sooc màu hồng và 01 chiếc áo phông màu xanh;

Thu giữ của Qu: 01 điện thoại di động đã qua sử dụng, màu đen, mặt sau của điện thoại có chữ OPPO màu trắng, số IMEI: 865566043390719 và 865566043390701, bên trong lắp sim số 0789094376.

Đối với số tiền 5.200.000 đồng của Q đưa cho Qu sau khi trộm cắp được tài sản, Qu đã một mình tiêu sài cá nhân hết.

Đối với 01 xe mô tô BKS: 88B1 - 21155 của Q sử dụng khi trộm cắp tài sản, quá trình điều tra xác định: sau khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản Q đã bán chiếc xe trên cho anh Nguyễn Đức T, sinh năm 1987 ở thôn P.N, xã K.X, huyện V.T, tỉnh Vĩnh Phúc, sau đó anh Toàn đã bán cho một người không rõ tên, tuổi, địa chỉ cụ thể và 01 xe mô tô Qu sử dụng khi trộm cắp tài sản(Qu không nhớ biển kiểm soát), sau khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản Qu đã bán cho ông Kiều Văn C, sinh năm 1959 ở tổ dân phố P.C, thị trấn L.T, huyện L.T, tỉnh Vĩnh Phúc (ông Chung là người thu mua xe cũ), sau đó ông Chung đã bán chiếc xe trên cho người không rõ tên, tuổi, địa chỉ cụ thể. Cơ quan điều tra đã ra quyết định truy tìm, khi nào thu được làm rõ xử lý sau.

Tại bản Cáo trạng số 73/CT-VKS ngày 05/09/2022, Viện kiểm sát nhân huyện L.T, tỉnh Vĩnh Phúc truy tố Nguyễn Xuân Q và Dương Hồng Q về tội “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L.T luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố đối với Nguyễn Xuân Q và Dương Hồng Q như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Sau khi đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Xuân Q và Dương Hồng Q phạm tội “Trộm cắp tài sản”; Áp dụng Khoản 1 Điều 173; Điểm h, i, s Khoản 1 Điều 51; Khoản 1,2,5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự xử phạt: Bị cáo Q từ 10 tháng đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách gấp đôi; bị cáo Qu từ 08 tháng đến 10 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách gấp đôi;

Truy thu số tiền 5.200.000 đồng của bị cáo Qu

không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo, xử lý vật chứng của vụ án và buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như luận tội của đại diện Viện kiểm sát và không có ý kiến tranh luận.

Các bị cáo nói lời sau cùng: đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, các bị cáo

không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Xuân Q và Dương Hồng Q thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân huyện L.T đã truy tố. Xét thấy, lời nhận tội của các bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai, bản kiểm điểm của các bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố; phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, biên bản thu giữ vật chứng và những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở để xác định: Trong khoảng thời gian từ 09 giờ đến 17 giờ ngày 28/4/2022, Nguyễn Xuân Q và Dương Hồng Q đã thực hiện liên tục 02 vụ trộm cắp tài sản. Cụ thể: Khoảng 09 giờ ngày 28/4/2022, Q rủ Qu đến trụ sở cũ của Trạm Khuyến nông huyện L.T trộm cắp 22 tấm tôn lợp mái trị giá 1.040.000đ. Tiếp đến, khoảng 17 giờ cùng ngày, Q và Qu tiếp tục đến trụ sở cũ trên trộm cắp 24 tấm tôn trị giá 1.498.000đ. Tổng trị giá tài sản Q và Qu trộm cắp là 2.538.000đồng.

Hành vi nêu trên của các bị cáo đã phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Nội dung điều luật quy định như sau: “*Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm*”.

Xét tính chất của vụ án tuy là ít nghiêm trọng, nhưng hành vi phạm tội của các bị cáo là táo bạo, gây nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của nhà nước được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương và dư luận bất bình trong nhân dân. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý, đã lợi dụng sự sơ hở để trộm cắp tài sản có giá trị 2.538.000đ nhằm mục đích bán lấy tiền tiêu sài cá nhân. Vì vậy, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi của mình.

[3] Xem xét về vai trò của các bị cáo trong vụ án; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo để quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Đối với bị cáo Q thấy trụ sở cũ không còn làm việc của Trạm khuyến nông L.T không có người trông giữ thường xuyên, nên đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản, sau đó rủ rê bị cáo Qu cùng thực hiện, đồng thời Q còn chuẩn bị máy bắn vít, xe lôi, xe máy để hai bị cáo cùng thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, sau đó trả tiền công cho Qu. Đối với bị cáo Qu khi được Q rủ rê trộm cắp tài sản đã đồng ý, rồi thực hiện theo sự phân công của Q, trực tiếp sử dụng máy bắn vít để tháo các tấm tôn để trộm cắp tài sản và nhận tiền công mà Q đưa cho. Như vậy, bị cáo Q có vai

trò chính trong vụ án, vừa là người tổ chức, vừa là người thực hành tích cực thực hiện tội phạm; bị cáo Qu có vai trò vừa là đồng phạm giúp sức, vừa là người thực hành tích cực thực hiện tội phạm. Nên bị cáo Q phải chịu mức án cao hơn so với bị cáo Qu.

Tuy nhiên, trước khi phạm tội, các bị cáo đều là người có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình. Nên các bị cáo được xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các Điểm h, i, s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Các bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào và đều có nơi cư trú ổn định, rõ ràng. Vì vậy, chỉ cần xử phạt các bị cáo mức án tù, nhưng cho hưởng án treo và ấn định một thời gian thử thách nhất định dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương, cũng đủ điều kiện để các bị cáo tự cải tạo mình trở thành người công dân có ích cho xã hội.

[4] Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định: *“Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”*. Xét thấy, các bị cáo có thu nhập thấp và hành vi trộm cắp tài sản của các bị cáo là bột phát, không đem lại nguồn lợi gì cho gia đình các bị cáo, bị cáo Qu còn thuộc diện hộ nghèo, nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng của vụ án:

46 tấm tôn đã cũ (trong đó: 09 tấm tôn màu đỏ kích thước 06m x 1,08m x 0,3mm; 22 tấm tôn màu đỏ kích thước 3,65m x 1,08m x 0,3mm; 10 tấm tôn màu đỏ kích thước 4,26m x 1,08m x 0,3mm; 05 tấm tôn màu đỏ kích thước 3,8m x 1,08m x 0,3mm) là tài sản do Ủy ban nhân dân huyện L.T quản lý. Ngày 09/8/2022 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L.T đã trả lại cho Ủy ban nhân dân huyện L.T là đúng chủ sở hữu, cần được xác nhận.

Các tài sản, đồ vật của bị cáo Q gồm có: 01 điện thoại di động đã qua sử dụng, màu đen, mặt sau của điện thoại có chữ OPPO màu trắng, số IMEI: 869183037304593 và 869183037304585, bên trong lắp sim số 0359.223.113 và 0842.220.700; 01 chiếc máy bắn vít cầm tay nhãn hiệu Makita; 01 chiếc xe lôi. Của bị cáo Qu có: 01 điện thoại di động đã qua sử dụng, màu đen, mặt sau của điện thoại có chữ OPPO màu trắng, số IMEI: 865566043390719 và 865566043390701, bên trong lắp sim số 0789094376, là công cụ, phương tiện các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, nên cần tịch thu bán sung quỹ Nhà nước.

Đối với 01 chiếc quần sooc màu hồng và 01 chiếc áo phông màu xanh của bị cáo Q mặc khi đi trộm cắp tài sản và bị thu giữ để phục vụ công tác điều tra, nhưng đã cũ và bị cáo không yêu cầu trả lại, nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với số tiền 5.200.000đồng mà Q trả công cho Qu để cùng nhau thực hiện tội phạm, Qu đã một mình tiêu sài cá nhân hết, nên cần truy thu của Qu để sung quỹ Nhà nước.

[6] Đại diện theo ủy quyền của bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa, vì vậy Hội đồng xét xử áp dụng Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự xử vắng mặt.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 173; Điểm h, i, s Khoản 1 Điều 51; Khoản 1,2,5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự; Điều 106; Khoản 2 Điều 135; Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Xuân Q và Dương Hồng Q phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt:

- Bị cáo Nguyễn Xuân Q 10 (mười) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 08 tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Bị cáo Dương Hồng Q 08 (tám) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 04 tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Qu cho Ủy ban nhân dân xã N.T, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Q cho Ủy ban nhân dân xã T.D, huyện L.T, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp bị cáo có thay đổi về nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về xử lý vật chứng:

Tịch thu bán sung quỹ Nhà nước của bị cáo Q: 01 điện thoại di động đã qua sử dụng, màu đen, mặt sau của điện thoại có chữ OPPO màu trắng, số IMEI: 869183037304593 và 869183037304585, bên trong lắp sim số 0359.223.113 và 0842.220.700; 01 chiếc máy bắn vít cầm tay nhãn hiệu Makita; 01 chiếc xe lô, và của bị cáo Qu: 01 điện thoại di động đã qua sử dụng, màu đen, mặt sau của điện

thoại có chữ OPPO màu trắng, số IMEI: 865566043390719 và 865566043390701, bên trong lắp sim số 0789094376;

Tịch thu tiêu hủy của bị cáo Q 01 chiếc quần sooc màu hồng và 01 chiếc áo phông màu xanh.

Các vật chứng nêu trên có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 06/09/2022 giữa Công an huyện L.T và Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.T.

Truy thu 5.200.000đồng của bị cáo Dương Hồng Q để sung quỹ Nhà nước.

Xác nhận ngày 09/8/2022 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L.T đã trả lại cho Ủy ban nhân dân huyện L.T quản lý 46 tấm tôn là đúng chủ sở hữu.

Về án phí: Bị cáo Nguyễn Xuân Q, Dương Hồng Q, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án (vắng mặt tại phiên tòa) có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú cuối cùng của người vắng mặt.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện L.T;
- Công an huyện L.T;
- Chi Cục THADS huyện L.T;
- UBND xã T.D, huyện L.T;
- UBND xã N.T, huyện Sông Lô;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Sơn